

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-10-2021

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Cho.

2. Ông Lưu Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐXXST-HN ngày 10/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị V, sinh năm 1985; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *(Có đơn xin vắng mặt)*

2- Bị đơn: Anh T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt lần 02 không lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 nguyên đơn chị V trình bày: Chị và anh T cưới nhau năm 2008, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách; anh T không lo làm ăn mà có thái độ gia trưởng, suốt ngày lán la ăn nhậu, không phụ giúp gì cho vợ con; về nhà thì kêu vợ đưa tiền nếu không đưa thì quậy. Tuy vậy, chị cũng chịu đựng để lo cho con nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn thêm. Chị V về bên cha mẹ ruột cắt nhà ở đã hơn một năm, anh T cũng theo về ở buôn

bán, nhưng không được bao lâu thì lấy tiền vốn tiêu xài hết. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, anh T về nhà cha mẹ ruột của anh T ở; anh T đe dọa chị V đủ điều. Tình cảm hiện nay không còn, không thể hàn gắn nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh chị có 02 người con chung là Y, sinh ngày 09/11/2009 và O, sinh ngày 01/4/2014, hiện nay đang sống cùng anh T. Chị V thống nhất giao cho anh T trực tiếp nuôi con; chị không cấp dưỡng. Chị V khai không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V; giao 02 người con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu về cấp dưỡng và tài sản nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị V yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị V yêu cầu được ly hôn với anh T và giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị V và anh T là “Ly hôn và nuôi con”.

Anh T vắng mặt phiên hòa giải lần hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2011 anh T và chị V đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp kể từ ngày đăng ký. Trong quá trình chung sống, chị V và anh T xảy ra mâu thuẫn; theo chị V trình bày

là do anh T không lo làm ăn, không phụ giúp gia đình, cuộc sống không hòa hợp nên mâu thuẫn ngày càng tăng, anh chị đã sống ly thân.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị, chính quyền địa phương cũng cho biết anh chị đã mâu thuẫn nhiều năm nay; chị V và anh T đã ly thân, chị V bỏ nhà đi không thấy về.

Anh T vắng mặt trong các buổi hòa giải và vắng mặt phiên tòa không lý do là tự đánh mất quyền trình bày ý kiến, quyền tranh luận tại phiên tòa, cũng như cơ hội được hàn gắn.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, hiện nay mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị V yêu cầu ly hôn là chính đáng. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị cho chị V được ly hôn với anh T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị V được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị V và anh T có 02 người con chung là Y, sinh ngày 09/11/2009 và O, sinh ngày 01/4/2014. Hiện nay 02 người con đang sống chung với anh T và cả 02 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh T. Chị V thống nhất giao 02 người con cho anh T nuôi dưỡng.

Thấy rằng chị V hiện nay ở xa không có điều kiện nuôi con, cháu Y và cháu O từ trước đến nay sống chung với anh T và cũng được nuôi dạy tốt, chị V thống nhất giao 02 người con cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 cháu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 cháu cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh T. Chị V được ly hôn với anh T.

2- Về con chung: Giao cháu Y, sinh ngày 09/11/2009 và O, sinh ngày 01/4/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng (cả hai đang sống chung với anh T). Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp anh T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị V chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006362 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận